TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 850/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2019.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

2/ Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Lê Phương T, sinh năm: 1989. (có mặt)

Thường trú: Số 998/23 đường B, TL 15, Tổ 4, ấp C2, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Võ Duy P, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Thường trú: số 1046/23 đường B, TL 15, ấp C2, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 30/11/2018, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Lê Phương T trình bày:

Bà với ông Võ Duy P tìm hiểu nhau khoảng hai năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 quyển số 1/2009 ngày 04/7/2009.

Lúc đầu gia đình hạnh phúc, nhưng càng về sau đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, ông P thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn. Trước đây bà là nguồn thu nhập chính, mỗi tháng bà phải đưa cho ông P 5.000.000 đồng, ông P chỉ ở nhà trông coi quán và đưa đón hai con đi học. Nhưng khoảng thời gian gần đây ông P không cho bà đi làm bắt bà phải ở nhà trông quán và đón con nhưng chồng bà lại không chu cấp tiền cho bà. Đỉnh điểm là bà phát hiện ông P có nhân tình mới, bà có tin nhắn của ông P và cô người tình của ông P. Hiện bà và ông P không còn quan tâm, chăm sóc, thương yêu, tạo điều kiện cho nhau nữa. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì chỉ gây cho

nhau sự đau khổ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Nên nay bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Võ Duy P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Duy C, sinh ngày: 28/8/2009 và Võ Hoàng Y, sinh ngày: 26/5/2013; bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản sao); Bản sao giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lê Phương T và ông Võ Duy P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 1/2009 ngày 04/7/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông P là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, cãi vả và mâu thuẫn gây gắt, hai vợ chồng không còn hợp nhau, ông P không lo gia đình, suốt ngày nhậu nhẹt, có bồ bên ngoài, kinh tế không ổn định, hai bên gia đình nhà thông gia bất hòa và ông P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2017 cho đến nay.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông P không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Duy C, sinh ngày: 28/8/2009 và Võ Hoàng Y, sinh ngày: 26/5/2013. Xét yêu cầu của bà T là được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao 02 trẻ Võ Duy C và Võ Hoàng Y cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của bà T là không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Lê Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lê Phương T được ly hôn với ông Võ Duy P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 1/2009 ngày 07/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Duy C, sinh ngày: 28/8/2009 và Võ Hoàng Y, sinh ngày 26/5/2013. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông P.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Trần Lê Phương T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0033488 ngày

22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Hùng Vương